| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN GÒ CÔNG TÂY**<br>**TỈNH TIỀN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 167/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 22-5-2023
V/v tranh chấp: *"Ly hôn"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY – TỈNH TIỀN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Trung Hiếu.
*Các Hội thẩm nhân dân:*
1. Ông Nguyễn Đức Hiền.
2. Bà Trần Thị Ngọc Hân.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Ngọc Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Quí – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 68/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2023, về tranh chấp: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 39/2023/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Huỳnh Thị N, sinh năm 1978.
Địa chỉ: ấp 7, xã A, huyện C, tỉnh T.
- *Bị đơn:* Lê Văn B, sinh năm 1975.
Địa chỉ: ấp N, xã Đ, huyện G, tỉnh T.

*(Chị N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; anh B vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**** Nguyên đơn chị Huỳnh Thị N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; theo đơn ly hôn, tờ tự khai, biên bản lấy lời khai; chị N trình bày:***

Năm 2012, chị N sống chung với anh B, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện G, tỉnh T. Trong thời gian sống chung, chị N với anh B bất đồng quan điểm sống và ly từ năm 2016. Tình cảm không còn, chị N yêu cầu ly hôn anh B.

Về con chung: Chị N với anh B không có con chung, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

**** Tại phiên tòa, cũng như trong các lần mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, bị đơn anh Lê Văn B vắng mặt không rõ lý do, cũng không có văn bản thể hiện ý kiến.***

*** Ý kiến và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát:**

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự thực hiện đúng trình tự, quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án, đề nghị: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Huỳnh Thị N yêu cầu ly hôn anh Lê Văn B.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Tranh chấp về quan hệ hôn nhân gia đình; nên căn cứ, giải quyết theo quy định của Luật hôn nhân gia đình.

[2] Theo lời trình bày, yêu cầu của đương sự; xét thấy:

- Về hôn nhân: Năm 2012, chị N với anh B tự nguyện sống chung, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện G, tỉnh T. Do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị N với anh B đã ly thân, không còn sống chung. Trong các lần mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, anh B vắng mặt không rõ lý do, cũng không có văn bản thể hiện ý kiến; chứng tỏ anh B không còn quan tâm đến cuộc sống hôn nhân giữa anh với chị N. Chị N yêu cầu ly hôn anh B là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N.

- Về con chung: Chị N với anh B không có con chung; không yêu cầu giải quyết; nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét

[3] Về án phí: Chị N phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[4] Xét ý kiến, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở, nên chấp nhận.

***Vì các lẻ trên,***

## QUYẾT ĐỊNH:

**Căn cứ:** - Các Điều 51, 56, 57, 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Luật thi hành án dân sự.

***Xử:*** Chấp nhận yêu cầu của chị Huỳnh Thị N.

- Về hôn nhân: Cho chị Huỳnh Thị N ly hôn anh Lê Văn B.

- Về con chung: không có con chung, không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí:

+ Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0026890 ngày 02/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, nên chị N đã nộp xong án phí.

+ Anh B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Chị N và anh B được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai bản án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Trung Hiếu**

**Nơi nhận:**
- TAND tỉnh T;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.